

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 129/QĐ-ĐHTĐ ngày 17 tháng 8 năm 2025 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Đô)

Tên chương trình : Thiết kế đồ họa
Tên tiếng Anh : Graphic Design
Trình độ đào tạo : Đại học
Ngành đào tạo : Thiết kế đồ họa
Mã ngành : 7210403
Loại hình đào tạo : Chính quy tập trung

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo đại học ngành Thiết kế Đồ họa nhằm đào tạo đội ngũ Cử nhân có phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức nghề nghiệp chuẩn mực và lối sống lành mạnh. Chương trình chú trọng phát triển năng lực thiết kế và chế tạo mẫu mã sản phẩm trong các lĩnh vực như bao bì, quảng cáo, xuất bản (sách, báo, tạp chí), cũng như thiết kế brochure, catalogue và các ấn phẩm truyền thông khác. Bên cạnh đó, sinh viên được rèn luyện kỹ năng sử dụng thành thạo các công cụ đồ họa số, có khả năng sáng tạo ra sản phẩm mang tính nghệ thuật và ứng dụng cao, đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường. Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong các môi trường đa ngành như thiết kế thương hiệu, truyền thông đa phương tiện, quảng cáo...

1.2. Mục tiêu cụ thể

POE	Mục tiêu đào tạo
❖ Kiến thức:	
POE1	Nắm vững các nguyên lý cơ bản của triết học Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, và khoa học xã hội – nhân văn nhằm định hướng tư tưởng và đạo đức nghề nghiệp.
POE2	Có khả năng vận dụng những kiến thức cơ bản và nâng cao của đồ họa và mỹ thuật để tạo ra những sản phẩm đồ họa.
POE3	Vận dụng tốt các kiến thức chuyên môn để xây dựng, định hướng, góp phần nâng cao trình độ thẩm mỹ của người tiêu dùng thông qua các sản phẩm đồ họa.

❖ Kỹ năng:	
POE4	Sử dụng thành thạo các công cụ thiết kế chuyên ngành như Adobe Photoshop, Illustrator, CorelDraw, After Effects, phần mềm dựng phim, dàn trang, thiết kế web và phát triển ứng dụng di động.
POE5	Giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Việt và tiếng Anh trong môi trường chuyên nghiệp; trình bày ý tưởng thiết kế rõ ràng, thuyết phục.
POE6	Áp dụng kỹ năng mềm như làm việc nhóm, quản lý thời gian, tổ chức sự kiện, và kỹ năng trình bày trong bối cảnh thiết kế và truyền thông đa lĩnh vực.
❖ Thái độ:	
POE7	Có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng; tuân thủ pháp luật và nghiêm chỉnh chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.
POE8	Hình thành thái độ nghề nghiệp đúng đắn, thể hiện đạo đức nghề nghiệp qua tinh thần công bằng, trung thực, trách nhiệm; biết lắng nghe, cảm thông và hợp tác tích cực với đồng nghiệp.

2. CHUẨN ĐẦU RA

PLO	Mô tả
2.1. Kiến thức:	
PLO1	Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về triết học, chính trị, pháp luật, xã hội học và văn hóa trong bối cảnh nghề nghiệp thiết kế.
PLO2	Nắm vững lý thuyết và lịch sử mỹ thuật, nguyên lý thị giác, bố cục, màu sắc, và giải phẫu hình thể để phát triển nền tảng thẩm mỹ và sáng tạo trong thiết kế
PLO3	Vận dụng kiến thức chuyên sâu về thiết kế đồ họa 2D, 3D, thiết kế nhận diện thương hiệu, in ấn, thiết kế số và tương tác vào quá trình xây dựng sản phẩm.
PLO4	Hiểu biết về marketing, truyền thông, thương hiệu và xu hướng sáng tạo mới để ứng dụng vào phát triển sản phẩm thiết kế có tính ứng dụng và cạnh tranh cao.
PLO5	Hiểu và áp dụng đúng các quy định pháp luật về sở hữu trí tuệ, bản quyền và đạo đức nghề nghiệp trong môi trường sáng tạo.
2.2. Kỹ năng	
PLO6	Sử dụng thành thạo các công cụ và phần mềm thiết kế chuyên ngành (Photoshop, Illustrator, InDesign, After Effects, CorelDraw, Adobe XD...)

	để tạo sản phẩm thiết kế chuyên nghiệp.
PLO7	Phát triển ý tưởng sáng tạo và giải quyết vấn đề trong quá trình thiết kế thông qua tư duy phản biện, phân tích nhu cầu người dùng và nghiên cứu xu hướng.
PLO8	Tổ chức và triển khai dự án thiết kế thực tế, phối hợp hiệu quả trong nhóm, kiểm soát tiến độ và chất lượng sản phẩm phù hợp với yêu cầu khách hàng.
PLO9	Vận dụng kỹ năng mềm (thuyết trình, làm việc nhóm, tổ chức sự kiện, kỹ năng nghề nghiệp...) để thích ứng với môi trường lao động năng động và đa văn hóa.
PLO10	Đạt trình độ ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam hoặc các chứng chỉ quốc tế tương (IELTS 4.0, TOEFL ITP 450, TOEIC 450); tin học tương đương trình độ Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin Nâng cao.
2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm	
PLO11	Có khả năng làm việc độc lập và tự chịu trách nhiệm với các quyết định nghề nghiệp; phát triển tư duy tự chủ, sáng tạo và chủ động trong học tập suốt đời.
PLO12	Chủ động thích ứng với thay đổi công nghệ, thị trường và xu hướng thiết kế toàn cầu; đề xuất và dẫn dắt đổi mới sáng tạo trong sản phẩm và dịch vụ thiết kế.
PLO13	Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp; có ý thức xã hội, văn hóa và môi trường trong hoạt động thiết kế, góp phần nâng cao giá trị thẩm mỹ và nhân văn trong cộng đồng.

2.4. Định hướng nghề nghiệp, vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Chương trình đào tạo ngành Thiết kế Đồ họa được xây dựng theo hướng tích hợp kiến thức liên ngành, kỹ năng thực hành chuyên sâu và năng lực ứng dụng công nghệ nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường lao động trong lĩnh vực công nghiệp sáng tạo. Sinh viên tốt nghiệp có thể đảm nhận các vị trí việc làm theo các lĩnh vực sau:

- **Lĩnh vực thiết kế in ấn và xuất bản:** Cử nhân thiết kế đồ họa có thể làm việc tại các nhà xuất bản, công ty in ấn, tòa soạn báo chí, hoặc trong vai trò thiết kế in ấn tại các doanh nghiệp truyền thông – quảng cáo, như: chuyên viên thiết kế dàn trang, thiết kế báo, tạp chí, thiết kế sách, tài liệu học thuật tại các nhà xuất bản, tòa soạn báo, công ty truyền thông...

- **Lĩnh vực thiết kế thương hiệu và truyền thông thị giác:** Chuyên viên thiết kế thương hiệu, thiết kế đồ họa quảng cáo, quản lý hình ảnh thương hiệu tại các công ty

quảng cáo, marketing, agency truyền thông, doanh nghiệp xây dựng thương hiệu sản phẩm, dịch vụ...

- **Lĩnh vực thiết kế kỹ thuật số và đa phương tiện (Multimedia Design):** Chuyên viên thiết kế giao diện số, thiết kế web, hoạt hình, hiệu ứng số, Thiết kế giao diện website, thiết kế web động, Sản xuất phim hoạt hình, game 2D – 3D, hiệu ứng kỹ xảo... Sinh viên có thể làm việc tại các công ty công nghệ, studio phim – hoạt hình, công ty phát triển game, hoặc startup sáng tạo nội dung số trên nền tảng mạng xã hội và mobile app.

- **Lĩnh vực giáo dục, nghiên cứu và quản lý dự án sáng tạo:** Sau khi tốt nghiệp, người học có thể đảm nhận vai trò trợ giảng, nghiên cứu viên hoặc giảng viên tại các cơ sở đào tạo thiết kế và mỹ thuật. Bên cạnh đó, nền tảng lý luận và kỹ năng quản trị còn cho phép sinh viên phát triển các dự án sáng tạo độc lập, điều phối hoạt động thiết kế trong các nhóm sáng tạo, hoặc làm việc trong các trung tâm nghiên cứu – phát triển sản phẩm văn hóa và truyền thông, các trung tâm, câu lạc bộ về đồ họa, mỹ thuật...

- **Lĩnh vực tổ chức sự kiện và truyền thông tích hợp:** Sinh viên có thể tham gia các đội ngũ tổ chức sự kiện, truyền thông nội bộ hoặc marketing tại doanh nghiệp, với vai trò thiết kế standee, banner, backdrop, hay xây dựng chiến lược truyền thông hình ảnh phục vụ các chiến dịch quảng bá.

- **Khả năng khởi nghiệp và làm việc tự do:** Xây dựng studio cá nhân chuyên về in ấn hoặc kỹ thuật số, Thiết kế theo yêu cầu, Dịch vụ thiết kế nhận diện cho doanh nghiệp nhỏ, startup

2.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp Cử nhân *Thiết kế đồ họa*, người học có thể theo học các chương trình đào tạo Thạc sĩ, Tiến sĩ thuộc nhóm ngành mỹ thuật, thiết kế trong và ngoài nước.

3. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 3,5 năm (10 học kỳ, 3 học kỳ/ năm)

4. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: Tổng số tín chỉ phải tích lũy **130** tín chỉ (chưa bao gồm các học phần điều kiện)

5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh Đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Trường Đại học Tây Đô. Mọi công dân Việt Nam có đủ các điều kiện sau đây đều được đăng ký dự tuyển:

- Đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.
- Có đủ sức khỏe để học tập và lao động theo quy định hiện hành của Liên Bộ Y tế - Giáo dục và Đào tạo.
- Nộp đầy đủ, đúng thời hạn các giấy tờ và lệ phí đăng ký dự thi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.

6. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

6.1 Quy trình đào tạo

- Thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 302/QĐ-ĐHTĐ, ngày 10/5/2021 của Hiệu Trưởng trường Đại học Tây Đô), tạo điều kiện để sinh viên tích cực, chủ động thích ứng với quy trình đào tạo để đạt được những kết quả tốt nhất trong học tập, rèn luyện.

- Chương trình đào tạo được thiết kế 10 học kỳ tương đương 3,5 năm học, gồm 130 tín chỉ. Thời gian học tập chính thức 3,5 năm.

- Một năm có 03 học kỳ chính, mỗi học kỳ kéo dài 04 tháng. Trong đó, mỗi học kỳ gồm 12 tuần học và dự trữ, 02 tuần thi. Khoảng nghỉ giữa mỗi kỳ là 02 đến 03 tuần.

6.2 Điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 302/QĐ-ĐHTĐ, ngày 10/5/2021 của Hiệu Trưởng trường Đại học Tây Đô).

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập, không đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

b) Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo được quy định.

c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên.

d) Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh.

e) Đạt giáo dục thể chất, kỹ năng ngoại ngữ, Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, Kỹ năng mềm, Kỹ năng nghề nghiệp và được cấp chứng chỉ theo quy định của Trường.

7. THANG ĐIỂM

Thực hiện theo quy Quy chế đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 302/QĐ-ĐHTĐ, ngày 10/5/2021 của Hiệu Trưởng trường Đại học Tây Đô).

Bảng 3. Thang điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần

Xếp loại học phần	Điểm số theo thang điểm 10	Điểm chữ	Điểm số theo thang điểm 4
Xuất sắc	9,0 – 10,0	A	4,0
Giỏi	8,0 – 8,9	B+	3,5
Khá	7,0 – 7,9	B	3,0
Trung bình khá	6,5 – 6,9	C+	2,5
Trung bình	5,5 – 6,4	C	2,0
Trung bình yếu	5,0 – 5,4	D+	1,5

Yếu	4,0 – 4,9	D	1,0
Kém	nhỏ hơn 4,0	F	0,0

Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A : là ĐTBCHK, ĐTBCHNH hoặc ĐTBCTL.

a_i : là điểm của học phần thứ i .

n_i : là số tín chỉ của học phần thứ i .

n : là tổng số học phần.

8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

STT	KHỐI LƯỢNG HỌC TẬP	TÍN CHỈ		
		TS	LT	TH
1	Kiến thức giáo dục đại cương (<i>chưa bao gồm các học phần điều kiện</i>)	28	25	3
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	90	59	31
3	Thực tập tốt nghiệp và Đồ án tốt nghiệp	12		12
TỔNG		130	84	46

8.1. Kiến thức giáo dục đại cương

STT	Mã số	Tên học phần	Số tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
1	0301001769	Triết học Mác - Lênin	3	3	
2	0301001825	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	
3	0301001826	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	
4	0301001827	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3	
5	0301000665	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	
6	0301000667	Pháp luật đại cương	2	2	
7	0391002902	Tiếng Anh căn bản 1	3	3	

STT	Mã số	Tên học phần	Số tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
8	0301002903	Tiếng Anh căn bản 2	3	3	
9	0301002904	Tiếng Anh căn bản 3	3	3	
10	0301002997	Năng lực số	3		3
11	0301001035	Giáo dục thể chất 1 - Bóng chuyền**	1		1
12	0301001036	Giáo dục thể chất 1 - Bóng đá**			
13	0301001037	Giáo dục thể chất 1 - Cầu lông**			
14	0301000660	Giáo dục thể chất 2 - Bóng chuyền**	1		1
15	0301001038	Giáo dục thể chất 2 - Bóng đá**			
16	0301001039	Giáo dục thể chất 2 - Cầu lông**			
17	0301001030	Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền**	1		1
18	0301000661	Giáo dục thể chất 3 - Bóng đá**			
19	0301000662	Giáo dục thể chất 3 - Cầu lông**			
20	0301000650	Giáo dục Quốc phòng - An ninh**	8	3	5
21	0301003005	Tiếng Anh tăng cường 1**	3	3	
22	0301003006	Tiếng Anh tăng cường 2**	3	3	
23	0301003007	Tiếng Anh tăng cường 3**	3	3	
24	0301003008	Tiếng Anh tăng cường 4**	3	3	
25	0301003009	Nhập môn khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo**	2	2	
26	KNM	Kỹ năng mềm**	4	2	2
27	KNN	Kỹ năng nghề nghiệp**	4	2	2
Học phần tự chọn			2		
1	0301000643	Xã hội học đại cương	2	2	
2	0301000487	Tâm lý học đại cương	2	2	
3	0301000284	Lịch sử văn minh thế giới	2	2	
TỔNG CỘNG			28+33	25	3

8.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

8.2.1. Kiến thức cơ sở ngành:

STT	Mã số	Tên học phần	Số tín chỉ		
			Tổng	LT	TH

1	0301000060	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2	
2	0301002624	Mỹ thuật học đại cương	2	2	
3	0301002626	Lịch sử mỹ thuật	2	2	
4	0301000549	Tiếng Việt thực hành	2	2	
5	0301002631	Luật sở hữu trí tuệ	2	2	
6	0301001603	Phương pháp nghiên cứu khoa học - Thiết kế đồ họa	2	2	
Học phần tự chọn			4		
1	0301002632	Kí họa	2	1	1
2	0301002198	Nhân học đại cương	2	2	
3	0301002203	Soạn thảo văn bản hành chính	2	2	
4	0301001218	Quan hệ công chúng đại cương	2	2	
5	0301000317	Mĩ học đại cương	2	2	
TỔNG CỘNG			16	15	1

8.2.2. Kiến thức chuyên ngành:

STT	Mã số	Tên học phần	Số tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
1	0301002627	Hình họa 1	2	1	1
2	0301002629	Hình họa 2	3	2	1
3	0301002625	Trang trí cơ bản	2	1	1
4	0301002634	Trang trí nâng cao	3	2	1
5	0301002630	Giải phẫu học	2	1	1
6	0301002628	Bố cục	2	1	1
7	0301002635	Ý tưởng sáng tạo	2	1	1
8	0301002636	Nghệ thuật chữ (Typography)	3	2	1
9	0301002637	Luật xa gần	2	1	1
10	0301002636	Nhiếp ảnh	2	1	1
11	0301002820	Nguyên lý thị giác	2	1	1
12	0301002824	Phần mềm Adobe Photoshop	3	2	1
13	0301002822	Phần mềm Adobe Illustrator	3	2	1
14	0301002823	Phần mềm CorelDraw	3	2	1
15	0301002829	Công nghệ kỹ thuật in	3	2	1
16	0301002825	Thiết kế dàn trang	3	2	1
17	0301002821	Thiết kế 2D (Minh họa)	3	2	1
18	0301002827	Thiết kế 3D (Thiết kế hoạt hình)	3	2	1

STT	Mã số	Tên học phần	Số tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
19	0301003080	Thiết kế giao diện web	3	2	1
20	0301002309	Thiết kế báo, tạp chí	3	2	1
21	0301002638	Thiết kế logo	3	2	1
22	0301002639	Thiết kế bao bì sản phẩm	3	2	1
23	0301002640	Thiết kế poster	3	2	1
24	0301002641	Thiết kế nhận diện thương hiệu	3	2	1
25	0301002645	Thực tế - Thiết kế đồ họa	2		2
26	0301002646	Đồ án học phần- Thiết kế đồ họa	2		2
27	0301002647	Anh văn chuyên ngành TKĐH	2	2	0
28	0301003011	Hiệu ứng và kĩ xảo (Adobe After Effects)	2	1	1
*Học phần tự chọn			2		
1	0301001081	Truyền thông và tổ chức sự kiện	2	1	1
2	0301002648	Mỹ thuật web	2	1	1
3	0301000248	Kỹ năng thuyết trình	2	1	1
4	0301002311	Kỹ thuật dựng phi tuyến	2	1	1
5	0301003082	Ứng dụng Trí tuệ nhân tạo trong thiết kế đồ họa	2	1	1
TỔNG CỘNG			74	44	30

8.2.3. Thực tập và Đồ án tốt nghiệp: 12 tín chỉ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	TL	TH
1	0301002316	Thực tập tốt nghiệp - TKĐH	4		4
2	0301002650	Đồ án tốt nghiệp - TKĐH	8		8
TỔNG			12		12

9. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY: (dự kiến)

* Học kỳ 1:

TT	Môn học	Tín chỉ			Số tiết			Ghi chú
		TC	LT	TH	TC	LT	TH	
1	Pháp luật đại cương	2	2		30	30		
2	Tiếng Việt thực hành	2	2		30	30		
3	Năng lực số	3		3	90		90	
4	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2		30	30		
5	Mỹ thuật học đại cương	2	2		30	30		
6	Lịch sử mỹ thuật	2	2		30	30		
Tổng cộng		13	10	3	240	150	90	

*** Học kỳ 2:**

TT	Môn học	Tín chỉ			Số tiết			Ghi chú
		TC	LT	TH	TC	LT	TH	
1	Tiếng Anh căn bản 1	3	3	0	45	45		
2	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	45	45		
3	Trang trí cơ bản	2	1	1	45	15	30	
4	Hình họa 1	2	1	1	45	15	30	
5	Luật xa gần	2	1	1	45	15	30	
6	Giáo dục thể chất 1 - Bóng chuyền**	1		1	30		30	
7	Giáo dục thể chất 1 - Bóng đá**							
8	Giáo dục thể chất 1 - Cầu lông**							
Học phần tự chọn		2						
9	Tâm lý học đại cương	2	2		30	30		2TC (Tự chọn)
10	Xã hội học đại cương	2	2					
11	Lịch sử văn minh thế giới	2	2					
Tổng cộng		14+1	11	4	285	165	120	

*** Học kỳ 3:**

TT	Môn học	Tín chỉ			Số tiết			Ghi chú
		TC	LT	TH	TC	LT	TH	
1	Giáo dục Quốc phòng - An ninh**	8	3	5	165	77	88	
2	Tiếng Anh căn bản 2	3	3	0	45	45		
3	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	30	30		
4	Giáo dục thể chất 2 - Bóng chuyền**	1		1	30		30	
5	Giáo dục thể chất 2- Bóng đá**							
6	Giáo dục thể chất 2- Cầu lông**							
Học phần tự chọn		2						
1	Soạn thảo văn bản hành chính	2	2		30	30		2TC (Tự chọn)
2	Nhân học đại cương	2	2					
3	Mĩ học đại cương	2	2					
Tổng cộng		7 +9	10	6	330	150	180	

*** Học kỳ 4**

TT	Môn học	Tín chỉ			Số tiết			Ghi chú
		TC	LT	TH	TC	LT	TH	
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	30	30		
2	Tiếng Anh căn bản 3	3	3	0	45	45		
3	Hình họa 2	3	2	1	60	30	30	

4	Trang trí nâng cao	3	2	1	60	30	30	
5	Bố cục	2	1	1	45	15	30	
6	Giải phẫu học	2	1	1	45	15	30	
7	Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền**	1	0	1	30		30	
8	Giáo dục thể chất 3 - Bóng đá**	1	0					
9	Giáo dục thể chất 3 - Cầu lông**	1	0					
10	Nhập môn Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo**	2	2		30			
Tổng cộng		15+3	13	5	315	165	150	

*** Học kỳ 5:**

TT	Môn học	Tín chỉ			Số tiết			Ghi chú
		TC	LT	TH	TC	LT	TH	
1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3		45	45		
2	Phần mềm Adobe Photoshop	3	2	1	60	30	30	
3	Nghệ thuật chữ	3	2	1	60	30	30	
4	Ý tưởng sáng tạo	2	1	1	45	15	30	
5	Nguyên lý thị giác	2	1	1	45	15	30	
Học phần tự chọn		2						
1	Kí họa	2	1	1	45	15	30	2TC Tự chọn
2	Quan hệ công chúng đại cương	2	2		30	30		
Tổng cộng		15	10	5	330	180	150	

*** Học kỳ 6:**

TT	Môn học	Tín chỉ			Số tiết			Ghi chú
		TC	LT	TH	TC	LT	TH	
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	30	30		
2	Phần mềm Adobe Illustrator	3	2	1	60	30	30	
3	Phần mềm CorelDraw	3	2	1	60	30	30	
4	Thiết kế 2D (Mình họa)	3	2	1	60	30	30	
5	Thiết kế Logo	3	2	1	60	30	30	
6	Kỹ năng mềm**	4	4					
Tổng cộng		14+4	14	4	270	150	120	

*** Học kỳ 7:**

TT	Môn học	Tín chỉ			Số tiết			Ghi chú
		TC	LT	TH	TC	LT	TH	
1	Thiết kế poster	3	2	1	60	30	30	

2	Thiết kế bao bì sản phẩm	3	2	1	60	30	30	
3	Thiết kế báo, tạp chí	3	2	1	60	30	30	
4	Thiết kế 3D (Thiết kế hoạt hình)	3	2	1	60	30	30	
5	Nhiếp ảnh	2	1	1	45	15	30	
Tổng cộng		14	9	5	285	135	150	

*** Học kỳ 8:**

TT	Môn học	Tín chỉ			Số tiết			Ghi chú
		TC	LT	TH	TC	LT	TH	
1	Thiết kế nhận diện thương hiệu	3	2	1	60	30	30	
2	Thiết kế dàn trang	3	2	1	60	30	30	
3	Anh văn chuyên ngành TKĐH	2	2		30	30		
4	Đồ án học phần - TKĐH	2		2	60		60	
5	Thực tế - TKĐH	2		2	60		60	
6	Phương pháp NCKH-TKĐH	2	2					
Tổng cộng		14	8	6	270	90	180	

*** Học kỳ 9:**

TT	Môn học	Tín chỉ			Số tiết			Ghi chú
		TC	LT	TH	TC	LT	TH	
1	Công nghệ kỹ thuật in	3	2	1	60	30	30	
2	Thiết kế giao diện web	3	2	1	60	30	30	
3	Luật sở hữu trí tuệ	2	2	0	30	30		
4	Hiệu ứng và kỹ xảo (Adobe After Effects)	2	1	1	45	15	30	
Học phần tự chọn		2						
1	Mỹ thuật web	2	1	1	45	15	30	2TC Tự chọn
2	Kỹ năng thuyết trình	2	2	0	30	30		
3	Truyền thông và tổ chức sự kiện	2	1	1	45	15	30	
4	Kỹ thuật dựng phi tuyến	2	1	1	45	15	30	
5	Ứng dụng Trí tuệ nhân tạo trong thiết kế đồ họa	2	1	1	45	15	30	
Tổng cộng		12	8	4	255	135	120	

*** Học kỳ 10:**

TT	Môn học	Tín chỉ			Số tiết			Ghi chú
		TC	LT	TH	TC	LT	TH	
1	Thực tập tốt nghiệp	4		4	120		120	
2	Đồ án tốt nghiệp	8		8	240		240	

3	Kỹ năng nghề nghiệp**	4	2	2	90	30	60	
Tổng		12 +4	2	14	450	30	420	

Ghi chú: **: Các học phần điều kiện, không tính điểm trung bình chung tích lũy.

10. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH:

10.1. Cách quy đổi giờ

Giờ quy đổi được tính như sau:

1 tín chỉ (TC) = 15 tiết giảng lý thuyết (Các học phần lý thuyết).

= 30 tiết đối với học phần thực tập, thực hành.

= 45 tiết thực tập tốt nghiệp tại đơn vị thực tập.

Số tiết của các học phần là bội số của 15

Một tiết giảng là 50 phút.

10.2. Chương trình ngành *Thiết kế đồ họa* được thiết kế theo đơn ngành

Chương trình này được biên soạn trên cơ sở tuân thủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Ngoài các học phần bắt buộc, Trường đã thiết kế các học phần còn lại cho phù hợp với chuyên ngành đào tạo và chuẩn đầu ra.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY ĐÔ

Trần Công Luận